

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA HÀ NỘI - THANH HOÁ
HANOI – THANH HOA BEER
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness**

Số **74/CV-THB**
No.: .../...

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 10 năm 2026
Thanh Hoa, October 1st, 2026

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CHANGE IN CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: Hanoi Stock Exchange

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800791192 ngày 29/09/2026 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty chúng tôi như sau:

Based on the business registration Certificate No. 2800791192 dated 29/09/2026 issued by Business Registration Office, Department of Finance of Thanh Hoa Province, we would like to announce the change in the business registration Certificate as follows:

- Tên tổ chức/Name of organization: Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hóa /Hanoi – Thanh Hoa Beer Joint Stock Company
- Mã chứng khoán/Stock code: THB
- Địa chỉ/Address: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam /No. 152 Quang Trung Street, Hac Thanh Ward, Thanh Hoa Province, Vietnam
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 0373852503 Fax: 0373853270
- E-mail:
- Website: <https://biathanhhoa.com.vn/>

1. Thông tin trước khi thay đổi/Information before change:

1.1. Ngành, nghề kinh doanh trước thay đổi:

STT/ No.	Tên ngành	Business Lines	Mã ngành/ Business code
1	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	Restaurants and Mobile Food Service Activities	5610
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư	Real Estate Activities with Own or Leased Property and Land Use Rights Details: Investment in the construction of infrastructure for urban areas, industrial parks and residential areas.	6810
3	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho, sân bãi	Warehousing and Storage	5210

STT/ No.	Tên ngành	Business Lines	Mã ngành/ Business code
		<i>Details: Warehouse and yard leasing services.</i>	
4	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết	<i>Wholesale of beverages Details: Trading in alcoholic beverages, beer, carbonated and non-carbonated soft drinks, mineral water and pure natural drinking water</i>	4633
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	<i>Wholesale of other machinery, equipment and spare parts</i>	4659
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	<i>Freight transport by road</i>	4933
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát	<i>Other specialized wholesale not elsewhere classified Details: Trading in raw materials, materials, equipment and spare parts serving the Company's production and business activities and the production and business of alcoholic beverages, beer and soft drinks.</i>	4679
8	Xây dựng nhà để ở	<i>Construction of residential buildings</i>	4101
9	Sản xuất bia	<i>Manufacture of beer</i>	1103 (Chính)
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết; Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư thiết bị phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát	<i>Other business support service activities n.e.c. Details: Import and export of alcoholic beverages, beer, carbonated and non-carbonated soft drinks, mineral water and pure natural drinking water; import of raw materials, materials, equipment and spare parts serving the Company's production and business activities and the production and business of alcoholic beverages, beer and soft drinks</i>	8299
11	Xây dựng nhà không để ở	<i>Construction of non-residential buildings</i>	4102
12	Sản xuất mạch nha ủ men bia	<i>Manufacture of malt for beer brewing</i>	1104
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	<i>Construction of other civil engineering works Details: Construction of industrial works</i>	4299
14	Bán buôn thực phẩm	<i>Wholesale of food</i>	4632
15	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	<i>Manufacture of non-alcoholic beverages and mineral water</i>	1105
16	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	<i>Hotels and similar accommodation</i>	5510
17	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	<i>Other short-term accommodation activities</i>	5520

2. Thông tin sau khi thay đổi/*Information after change:*

2.1. Bổ sung tên Công ty viết tắt/ *Addition of the Company's abbreviated name: HABECO-HTH*

2.2. Ngành, nghề kinh doanh sau thay đổi/ *Business lines after the changes:*

STT/ No.	Tên ngành	<i>Business Lines</i>	Mã ngành/ <i>Business code</i>
1	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	<i>Restaurants and Mobile Food Service Activities</i>	5610
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư	<i>Real Estate Activities with Own or Leased Property and Land Use Rights</i> Details: Investment in the construction of infrastructure for urban areas, industrial parks and residential areas.	6810
3	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho, sân bãi	<i>Warehousing and Storage</i> Details: Warehouse and yard leasing services.	5210
4	Bán buôn thực phẩm (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	<i>Wholesale of food</i> (excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights over goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights and distribution rights)	4632
5	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	<i>Wholesale of beverages</i> Details: Trading in alcoholic beverages, beer, carbonated and non-carbonated soft drinks, mineral water and pure natural drinking water (excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights over goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights and distribution rights)	4633
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện	<i>Wholesale of other machinery, equipment and spare parts</i> (excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights over goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not	4659

STT/ No.	Tên ngành	Business Lines	Mã ngành/ Business code
	quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	<i>permitted to exercise export rights, import rights and distribution rights)</i>	
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	<i>Freight transport by road</i>	4933
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát. Bán buôn khí CO ₂ . (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	<i>Other specialized wholesale not elsewhere classified</i> Details: <i>Trading in raw materials, materials, equipment and spare parts serving the Company's production and business activities and the production and business of alcoholic beverages, beer and soft drinks. Wholesale of carbon dioxide (CO₂)</i> <i>(excluding the exercise of export rights, import rights and distribution rights over goods on the List of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export rights, import rights and distribution rights)</i>	4679
9	Xây dựng nhà để ở	<i>Construction of residential buildings</i>	4101
10	Sản xuất bia	<i>Manufacture of beer</i>	1103 (Chính)
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết; Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư thiết bị phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát	<i>Other business support service activities n.e.c.</i> Details: <i>Import and export of alcoholic beverages, beer, carbonated and non-carbonated soft drinks, mineral water and pure natural drinking water; import of raw materials, materials, equipment and spare parts serving the Company's production and business activities and the production and business of alcoholic beverages, beer and soft drinks</i>	8299
12	Xây dựng nhà không để ở	<i>Construction of non-residential buildings</i>	4102
13	Sản xuất mạch nha ủ men bia	<i>Manufacture of malt for beer brewing</i>	1104
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	<i>Construction of other civil engineering works</i> Details: <i>Construction of industrial works</i>	4299
15	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	<i>Manufacture of non-alcoholic beverages and mineral water</i>	1105
16	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	<i>Hotels and similar accommodation</i>	5510

STT/ No.	Tên ngành	Business Lines	Mã ngành/ Business code
17	Sản xuất hóa chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất khí công nghiệp	Basic chemical production Details: Manufacture of Industrial Gases	2011
18	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	Other short-term accommodation activities	5520

3. Lý do thay đổi /Reason for change: Cập nhật tên viết tắt và ngành nghề kinh doanh của Công ty./ Update of the Company's abbreviated name and business lines.

4. Ngày có hiệu lực/Effective date: 29/09/2026

5. Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Receipt date of new certificate of business registration: 30/09/2026

6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 01/10/2026 tại đường dẫn <https://biathanhhoa.com.vn/> /This information was published on the company's website on 01/10/2026, as in the link <https://biathanhhoa.com.vn/>

Tài liệu đính

kèm/Attached documents:

- Giấy chứng nhận đăng
ký doanh nghiệp mới

New Business

Registration Certificate

- Giấy xác nhận về việc
thay đổi nội dung đăng ký
doanh nghiệp

Certificate of Changes to

Business Registration

Certificate

Đại diện tổ chức/ Organization representative

Người UQ CBTT/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Nguyễn Duy Hà

Nguyen Duy Ha